

Số: **10** /CT-UBND

Hà Nội, ngày **04** tháng 6 năm 2020

CHỈ THỊ
Về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVI Đảng bộ Thành phố và Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 5 năm 2016-2020, trong bối cảnh khu vực và thế giới có những yếu tố thuận lợi, khó khăn đan xen, ảnh hưởng đến phát triển KTXH của cả nước và Thành phố, các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân Thủ đô đã nỗ lực vượt qua khó khăn thách thức, đạt được những thành tựu quan trọng trong việc phát triển KTXH và nâng cao đời sống nhân dân và giải quyết các vấn đề về môi trường.

Trong giai đoạn tới, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường trong khi đó kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, tiềm ẩn rủi ro, đặt ra nhiều thách thức cho quá trình phát triển bền vững, trong đó có diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19. Do đó, nhiệm vụ đặt ra trong giai đoạn 2021-2025 là rất nặng nề. Để tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được, vượt qua các khó khăn thách thức, thực hiện thắng lợi “Quy hoạch phát triển KTXH thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” và từng bước thực hiện “Chiến lược phát triển KTXH thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”; thực hiện các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 13/CT-TTg ngày 20/5/2019 về phát triển bền vững; số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 về xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025, Chủ tịch UBND Thành phố yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã, các tổng công ty, công ty nhà nước trực thuộc Thành phố triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025.

I. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH 5 NĂM 2021-2025

Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2016-2020, các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thành ủy, HĐND Thành phố, nghị quyết của Đại hội Đảng bộ và Hội đồng nhân dân quận, huyện, thị xã và dự báo tình hình trong nước, thế giới và khu vực trong giai đoạn tới tác động, ảnh hưởng đến phát triển KTXH của Thành phố; từ đó xác định mục tiêu phát triển 5 năm 2021-2025 phù hợp với mục tiêu Quy hoạch phát triển KTXH thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Chiến lược phát triển KTXH thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Những nội dung chủ yếu của báo cáo Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 gồm:

1. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2016-2020

Trên cơ sở tình hình triển khai thực hiện kế hoạch phát triển KTXH các năm 2016-2019 và dự kiến kế hoạch năm 2020, các sở, ban, ngành, đơn vị của Thành phố và UBND quận, huyện, thị xã đánh giá toàn diện việc thực hiện kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2016-2020 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý; trong đó, cần bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ Thành phố, 08 chương trình công tác của Thành ủy, Nghị quyết số 05/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố, các chương trình, kế hoạch của UBND Thành phố, nghị quyết của Đại hội Đảng bộ, của Hội đồng nhân dân quận, huyện, thị xã về phát triển KTXH 5 năm 2016-2020; đánh giá đầy đủ, thực chất, chính xác các kết quả đạt được (đặc biệt nêu rõ được các thành tựu nổi bật của giai đoạn 2016-2020), các yếu kém, khó khăn, hạn chế, nguyên nhân (về thể chế, tổ chức thực thi thể chế,...), trách nhiệm và bài học kinh nghiệm để có biện pháp khắc phục (nhất là các biện pháp về hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả tổ chức thực thi thể chế) cho giai đoạn tới, trong đó, đánh giá cụ thể, sâu sắc và toàn diện các tác động của dịch bệnh Covid-19 đến kết quả phát triển của các ngành, lĩnh vực và địa phương. Các nội dung cần tập trung đánh giá:

(1) Các sở, ban, ngành của Thành phố đánh giá theo các nhiệm vụ tại Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ Thành phố, 08 chương trình công tác của Thành ủy, Nghị quyết số 05/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố, các chương trình, kế hoạch của UBND Thành phố về phát triển KTXH 5 năm 2016-2020, báo cáo đầy đủ việc thực hiện các chỉ tiêu thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

UBND các quận, huyện, thị xã đánh giá theo các nhiệm vụ tại Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ và Hội đồng nhân dân quận, huyện, thị xã về phát triển KTXH 5 năm 2016-2020.

(2) Tình hình thực hiện chủ trương, chính sách về cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh theo từng ngành, lĩnh vực và UBND quận, huyện, thị xã. Trong đó tập trung:

a) Phân tích, đánh giá tác động của dịch bệnh Covid-19 đến phát triển các ngành, lĩnh vực, kết quả đạt được và chất lượng tăng trưởng kinh tế.

b) Thực hiện cơ cấu lại của từng ngành, lĩnh vực và quận, huyện, thị xã; khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm chủ yếu, chủ lực; việc khai thác và sử dụng các nguồn lực, nhất là đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước,...

c) Thực hiện cơ cấu lại một số lĩnh vực trọng tâm, gồm: đầu tư công; các tổ chức tín dụng; doanh nghiệp nhà nước; ngân sách nhà nước; khu vực công; đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh; cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; môi trường kinh doanh mới dựa trên ứng dụng công nghệ số; năng lực sản xuất mới tăng thêm giai đoạn 2016-2020.

(3) Tình hình thực hiện các đột phá lớn của Trung ương về: (i) hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (ii) đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; (iii) xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và 03 khâu đột phá của Thành phố

về: (i) Phát triển đồng bộ, từng bước hiện đại hóa kết cấu hạ tầng đô thị và nông thôn; (ii) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo bước chuyển biến mạnh về kỷ luật, kỷ cương, ý thức, trách nhiệm, chất lượng phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức; cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy, nâng cao hiệu quả đầu tư và sản xuất kinh doanh trên địa bàn Thủ đô; (iii) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh và phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

(4) Tình hình thực hiện các cân đối về thu chi ngân sách nhà nước; quản lý nợ công, nợ Chính quyền địa phương; xuất nhập khẩu; năng lượng, đặc biệt là điện;...

(5) Tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển, như: vốn ngân sách nhà nước; vốn trái phiếu Chính phủ; vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước; vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước; vốn từ khu vực dân cư; vốn đầu tư từ khu vực tư nhân; vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); vốn huy động khác.

(6) Tình hình thực hiện các mục tiêu về văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, như: công tác bảo đảm an sinh xã hội, phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động; chăm sóc người có công; chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, người tâm thần, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; tình trạng già hóa dân số; nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt là công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19; tạo việc làm; thông tin, văn hóa; thể dục thể thao; thực hiện các quyền của trẻ em, phát triển thanh niên, thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng; phòng, chống tệ nạn xã hội, nạn tin giả; phòng, chống cháy nổ;...

(7) Tình hình và kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia và Thành phố về xây dựng Nông thôn mới.

(8) Tình hình thực hiện công tác quy hoạch phát triển đô thị; thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia; phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, nông thôn; chỉnh trang và đảm bảo các dịch vụ đô thị;...

(9) Tình hình thực hiện quản lý tài nguyên, đất đai, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; công tác giao và chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất dịch vụ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; triển khai và thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải rắn, chất thải y tế, chất thải nguy hại, tình trạng ô nhiễm môi trường đô thị, ngập úng, ngăn ngừa và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt tình hình khai thác cát sỏi trái phép, xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng;...

(10) Tình hình thực hiện nhiệm vụ về củng cố quốc phòng, an ninh; bảo đảm an ninh chính trị, an toàn không gian mạng và trật tự an toàn xã hội. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo đảm an ninh trật tự trên các lĩnh vực, địa bàn trọng điểm, an ninh nông thôn.

(11) Tình hình thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp; thực hiện xây dựng chính quyền điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; chất lượng đội ngũ cán bộ, chấp hành kỷ luật, kỷ cương; sắp xếp và tinh gọn bộ máy; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;...

(12) Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; tình hình và kết quả phát triển, liên kết các địa phương trong vùng kinh tế và cả nước. Công tác phối hợp với các cơ quan Trung ương; kết quả trong công tác chỉ đạo, phối hợp và tổ chức thực hiện kế hoạch 5 năm 2016-2020 trong từng ngành, lĩnh vực và quận, huyện, thị xã.

Căn cứ đặc điểm, tình hình và ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý, các sở, ban, ngành, đơn vị của Thành phố và UBND quận, huyện, thị xã tiến hành đánh giá, bổ sung các nội dung, chỉ tiêu cho phù hợp và đầy đủ với tình hình của ngành, lĩnh vực, đơn vị và quận, huyện, thị xã.

2. Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025

Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 xây dựng trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường như cạnh tranh chiến lược, chiến tranh thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên, thị trường, công nghệ, nhân lực chất lượng cao giữa các nước ngày càng quyết liệt; tăng trưởng kinh tế thế giới có khả năng chậm hơn giai đoạn trước; Cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ tiếp tục tác động mạnh mẽ và rộng rãi đến mọi mặt của đời sống; các thách thức an ninh phi truyền thống, đặc biệt là biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng về cả tác động và cường độ; dịch bệnh diễn biến phức tạp, đặc biệt là các tác động rất lớn của đại dịch Covid-19 làm thay đổi sâu sắc, toàn diện tới các lĩnh vực đời sống xã hội và trật tự kinh tế thế giới,... Trong nước, thế và lực của đất nước sau hơn 30 năm đổi mới đã lớn mạnh hơn; tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô ổn định; niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân ngày càng tăng lên. Quy mô kinh tế của Thành phố đã lớn hơn; đời sống người dân được nâng lên; tốc độ đô thị hóa ngày càng tăng;... Tuy nhiên, giai đoạn 2021-2025 kinh tế sẽ phải đối mặt rất nhiều khó khăn, thách thức đến từ những yếu kém cơ cấu kinh tế nội tại, các vấn đề xã hội, môi trường, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu,...

Trong bối cảnh đó, các sở, ban, ngành, đơn vị của Thành phố và UBND quận, huyện, thị xã nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021- 2025, triển khai, cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ Thành phố, Đại hội Đảng bộ các quận, huyện, thị xã, trong đó tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

(1) Bối cảnh xây dựng kế hoạch: bao gồm nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KTXH của ngành, lĩnh vực, đơn vị và UBND quận, huyện, thị xã; đặc biệt là dịch bệnh Covid-19 lan rộng khắp toàn cầu, đang và sẽ tiếp tục ảnh hưởng sâu sắc, toàn diện tới tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, cần có phân tích về điểm mạnh và điểm yếu, nhận diện rõ cơ hội và thách thức đối với từng ngành, lĩnh vực và địa phương.

(2) Mục tiêu tổng quát: mục tiêu hướng đến năm 2025 của ngành, lĩnh vực, đơn vị và quận, huyện, thị xã.

(3) Mục tiêu chủ yếu và một số cân đối lớn, trong đó: phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của Thành phố bình quân 5 năm 2021-2025 tăng 7,5-8,0%. Các sở, ban, ngành căn cứ tình hình thực tế xây dựng tốc độ tăng trưởng của ngành, lĩnh vực hợp lý và phù hợp (xem mẫu biểu tại Phụ lục 1) và đề xuất một số chỉ tiêu cơ bản của ngành, lĩnh vực cho giai đoạn 2021-2025.

(4) Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu:

a) Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở giữ vững ổn định nền kinh tế, kiểm soát lạm phát.

b) Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, tăng cường sức chống chịu của nền kinh tế; thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, phát triển nền kinh tế số, hình thành các doanh nghiệp công nghệ số có năng lực cạnh tranh toàn cầu; cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp, sáng tạo, tham gia hiệu quả vào cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; khắc phục thiệt hại, phục hồi sản xuất kinh doanh và tăng trưởng kinh tế sau thiên tai, dịch bệnh; mở rộng thị trường xuất, nhập khẩu, đa dạng hóa đối tác, nguồn hàng.

c) Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ như giao thông vận tải, cầu, cảng sông, cảng cạn, năng lượng, công nghệ thông tin và truyền thông, đô thị, nông nghiệp,...; phát triển đô thị thông minh, xanh, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, tập trung nâng cao chất lượng đô thị. Tiếp tục xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia; Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới.

d) Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư của nền kinh tế; phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và phát triển các mô hình kinh tế mới có ứng dụng công nghệ số. Nâng cao hiệu quả quản lý nợ công và sử dụng vốn đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án quan trọng quốc gia, các công trình trọng điểm.

đ) Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao để đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; nâng cao vai trò, trách nhiệm của doanh nghiệp trong đào tạo. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

e) Tiếp tục xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, chất lượng dân số; phòng, chống dịch bệnh; thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo; bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với xã hội. Đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, thúc đẩy phát

triển kinh tế vùng xa trung tâm, vùng đồng bào dân tộc. Phát triển và nâng cao chất lượng báo chí, truyền thông.

g) Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

h) Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng, hoàn thiện và thi hành pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng đội ngũ cán bộ, chấp hành kỷ luật, kỷ cương, sắp xếp và tinh gọn bộ máy; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác tư pháp, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

i) Tiếp tục cải cách tư pháp gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển; nâng cao chất lượng, hiệu quả một số hoạt động hành chính tư pháp và hỗ trợ tư pháp, thi hành án; cải cách thủ tục hành chính. Thúc đẩy chuyển đổi số; xây dựng Chính quyền điện tử, nền kinh tế số và xã hội số.

j) củng cố, tăng cường quốc phòng địa phương, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng.

k) Tiếp tục triển khai hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, củng cố môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi để phát triển. Tăng cường hợp tác phát triển với các địa phương trong vùng kinh tế và trên cả nước. Phối hợp tốt với các cơ quan Trung ương trong việc triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách trên địa bàn Thủ đô.

Trên cơ sở các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ chủ yếu nêu trên, các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND quận, huyện, thị xã cụ thể hóa các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, giải pháp để thực hiện thành công kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025. Cơ chế, giải pháp, chính sách phải bảo đảm sự thống nhất về các nguyên tắc, mục tiêu chung, đồng thời phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của từng ngành, lĩnh vực và từng quận, huyện, thị xã.

II. YÊU CẦU VÀ KINH PHÍ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH 5 NĂM 2021-2025

1. Yêu cầu

(1) Đánh giá Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2016-2020:

a) Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ Thành phố, 08 chương trình công tác của Thành ủy, Nghị quyết số 05/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố, các chương trình, kế hoạch của UBND Thành phố, nghị quyết của Đại hội Đảng bộ, của Hội đồng nhân dân quận, huyện, thị xã về phát triển kinh tế xã - hội 5 năm 2016- 2020.

b) Bảo đảm tính khách quan, trung thực, sát, đúng thực tiễn và có sự so sánh với kết quả thực hiện của giai đoạn 2011-2015. Số liệu đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2016-2020 của Thành phố sử dụng theo số liệu của Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê Hà Nội công bố; đối với quận, huyện, thị xã sử dụng số liệu do Chi cục Thống kê của quận, huyện, thị xã cung cấp.

c) Huy động, phát huy được sự phối hợp của các cơ quan trung ương và Thành phố; sự tham gia, góp ý của các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học, các đoàn thể, các hiệp hội, cộng đồng dân cư, các nhà đầu tư và doanh nghiệp, các nhà tài trợ và các chuyên gia trong, ngoài nước để bảo đảm nâng cao chất lượng báo cáo.

(2) Xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025

a) Kế hoạch của Thành phố và của các ngành, lĩnh vực và quận, huyện, thị xã phải đồng bộ, phù hợp với quy hoạch có liên quan theo pháp luật về quy hoạch, chiến lược và kế hoạch 5 năm về phát triển KTXH; phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, lĩnh vực, từng quận, huyện, thị xã; cần bám sát những dự báo, đánh giá tình hình và bối cảnh trong nước và quốc tế trong giai đoạn tới; đảm bảo sự kế thừa những thành quả của kế hoạch 5 năm 2016-2020, có sự đổi mới và tiếp thu, tiếp cận trình độ phát triển tiên tiến của khu vực và thế giới cũng như bảo đảm khắc phục những tồn tại, hạn chế, yếu kém trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển KTXH 5 năm 2016-2020.

b) Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ Thành phố, Đại hội Đảng bộ các quận, huyện, thị xã; Đề xuất giải pháp, chính sách thực hiện phải bảo đảm tính khả thi, gắn kết với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, phù hợp với khả năng thực hiện của các ngành, lĩnh vực và quận, huyện, thị xã; cần phân tích, đánh giá, lựa chọn và sắp xếp thứ tự các mục tiêu ưu tiên; lồng ghép thực hiện 17 mục tiêu chung và 115 mục tiêu cụ thể phát triển bền vững theo Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững vào kế hoạch phát triển KTXH; bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển KTXH và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Các mục tiêu, chỉ tiêu được tính toán, dự báo dựa trên số liệu giai đoạn 2016-2020 do Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê Hà Nội công bố (đối với quận, huyện, thị xã sử dụng số liệu do Chi cục Thống kê của quận, huyện, thị xã cung cấp).

c) Việc xây dựng giải pháp tổ chức thực hiện bảo đảm tính đồng bộ, hệ thống, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, các cấp, các ngành.

d) Tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong quá trình xây dựng Kế hoạch.

2. Kinh phí

Kinh phí xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 và Chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để bảo đảm xây dựng kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 có chất lượng, tiết kiệm và hiệu quả.

III. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH 5 NĂM 2021-2025

1. Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong Chương trình hành động số 44/CTr-UBND ngày 24/02/2017 của UBND Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết số 100/NQ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2016-2021, gồm các kết quả đạt được (bao gồm cả công tác tổ chức, phối hợp thực hiện), các yếu kém, hạn chế, nguyên nhân, trách nhiệm liên quan đến yếu kém, hạn chế và bài học kinh nghiệm rút ra để có biện pháp khắc phục cho giai đoạn 2021-2025.

2. Căn cứ Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025, các sở, ban, ngành và UBND quận, huyện, thị xã xây dựng Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 và đề xuất những nhiệm vụ, đề án đưa vào Chương trình hành động của Thành phố và của quận, huyện, thị xã thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 (theo mẫu biểu tại Phụ lục số 2).

IV. PHÂN CÔNG VÀ TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH 5 NĂM 2021-2025 VÀ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH 5 NĂM 2021-2025

Để tổ chức triển khai đánh giá kết quả thực hiện phát triển KTXH Kế hoạch 5 năm 2016-2020 và xây dựng Kế hoạch 5 năm 2021-2025 đảm bảo chất lượng, Chủ tịch UBND Thành phố giao nhiệm vụ:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Xây dựng các đề cương và hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 và Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 trong quý II/2020.

b) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành và quận, huyện, thị xã tính toán, xây dựng các phương án tăng trưởng và cân đối lớn trong quý III/2020. Tổng hợp và xây dựng báo cáo sơ bộ Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 của Thành phố, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 31/7/2020**.

c) Đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 của các sở, ban, ngành và UBND quận, huyện, thị xã; Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành tổ chức làm việc với UBND quận, huyện, thị xã, các tổng công ty, công ty nhà nước của Thành phố về Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025.

d) Tổng hợp dự thảo Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 của Thành phố trình UBND Thành phố, Thành ủy và báo cáo HĐND Thành phố theo tiến độ quy định.

đ) Chủ trì tổng hợp, hướng dẫn hoặc báo cáo UBND Thành phố, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn những khó khăn vướng mắc, những vấn đề cần làm rõ trong quá trình xây dựng kế hoạch 5 năm 2021-2025 của các ngành, các cấp.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND quận, huyện, thị xã

a) Hướng dẫn, giải đáp các vướng mắc, những nội dung cần làm rõ khi có báo cáo hoặc đề xuất của các quận, huyện, thị xã trong quá trình xây dựng, tổng hợp chỉ tiêu Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 và Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 trong ngành, lĩnh vực phụ trách và của quận, huyện, thị xã.

Đối với các chỉ tiêu liên quan đến tăng trưởng kinh tế, Cục Thống kê Hà Nội hướng dẫn, cung cấp số liệu cho các sở, ban, ngành và đơn vị thuộc Thành phố (bao gồm chỉ tiêu tăng trưởng GRDP do Tổng cục Thống kê tính toán cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

b) Dự thảo Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 và Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 thuộc ngành, lĩnh vực và quận, huyện, thị xã phù hợp với Quy hoạch phát triển KTXH thành phố Hà Nội đến

năm 2020, định hướng đến năm 2030, quy hoạch phát triển ngành và các quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch, định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực phụ trách theo các nội dung và yêu cầu nói trên trình cấp có thẩm quyền; đồng thời, báo cáo các cơ quan cấp trên, cơ quan Trung ương theo tiến độ quy định.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng các cân đối lớn về tài chính, ngân sách địa phương cấp Thành phố cho giai đoạn 2021-2025.

Các tổng công ty, công ty nhà nước trực thuộc Thành phố đánh giá khách quan, trung thực về tình hình, kết quả sản xuất kinh doanh 5 năm 2016-2020 và tiến độ sắp xếp đổi mới doanh nghiệp, nhất là đánh giá cụ thể, sâu sắc và toàn diện ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đến kết quả sản xuất, kinh doanh trong năm 2020 và định hướng phát triển cho những năm tiếp theo. Xây dựng Kế hoạch 5 năm 2021-2025 cần tập trung vào: mục tiêu, chỉ tiêu về sản xuất, kinh doanh; nghĩa vụ đóng góp đối với nhà nước và sắp xếp đổi mới, cổ phần hóa doanh nghiệp, trong đó, nêu rõ các mốc thời gian và kết quả đạt được, các giải pháp và phân công thực hiện hoàn thành kế hoạch.

c) Tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các cơ quan liên quan, bao gồm các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học, các tổ chức phi Chính phủ, cộng đồng dân cư, nhất là các nhà đầu tư và doanh nghiệp và các nhà tài trợ, các chuyên gia trong và ngoài nước,... về dự thảo Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021- 2025 nhằm tạo sự đồng thuận cao, trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

d) Bố trí đủ kinh phí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của sở, ban, ngành và quận, huyện, thị xã để xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 bảo đảm nâng cao chất lượng các báo cáo kế hoạch phát triển KTXH.

Chủ tịch UBND Thành phố yêu cầu giám đốc, thủ trưởng các sở, ban, ngành, các tổng công ty, công ty nhà nước trực thuộc Thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT TU, TT HĐND TP;
- UB MTTQVN TP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND TP;
- VP, TU, các Ban Đảng thuộc TU;
- VP, ĐBQH, HĐND TP, các Ban HĐND TP;
- Các sở, ban, ngành TP;
- Các cơ quan đoàn thể TP;
- HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các tổng công ty, công ty nhà nước thuộc TP;
- VPUB: CVP, các phòng: TH, KT, TKBT, ĐT, KGVX;
- Lưu: VT, KT.

18286 - 22



Nguyễn Đức Chung



Phụ lục: Hệ thống chỉ tiêu KTXH giai đoạn 2021-2025
(Kèm theo Chỉ thị số 10 /CT-UBND ngày 04/6/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố)

TT	Chỉ tiêu	UTH 2016-2020	KH 2021-2025
1	Tăng trưởng GRDP, % - Dịch vụ - Công nghiệp và xây dựng - Nông, lâm nghiệp và thủy sản - Thuế sản phẩm		7,5-8,0 7,5-8,1 9,0-9,5 2,0-2,5 5,1-5,4
2	Cơ cấu kinh tế, % - Dịch vụ - Công nghiệp và xây dựng - Nông, lâm nghiệp và thủy sản - Thuế sản phẩm		100 63,7-64,0 23,4-23,7 1,4-1,5 11,0-11,2
3	GRDP bình quân/người, triệu đồng (USD)		200-205 (8.100-8.300)
4	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội, triệu tỷ đồng		3,1-3,2
5	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP, %		> 25
6	Tốc độ tăng năng suất lao động, %		7,0-7,5
7	- Tỷ lệ huyện đạt chuẩn nông thôn mới, % - Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, %		100 30
8	- Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu Tổ dân phố văn hóa, % - Tỷ lệ thôn, làng được công nhận và giữ vững danh hiệu Thôn, Làng văn hóa, % - Tỷ lệ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu Gia đình văn hóa, %		75 65 86-88
9	Tỷ lệ trường công lập (MN, TH, THCS, THPT) đạt chuẩn quốc gia, %		80-85
10	- Số giường bệnh/vạn dân, GB/10.000 dân; Số bác sỹ/vạn dân, BS/10.000 dân - Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế, %		30-35 15 100
11	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo, %. - Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ, %		75-80 55-60
12	Tỷ lệ thất nghiệp thành thị, %		< 3
13	Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chuẩn của Thành phố cuối nhiệm kỳ, %		< 0,5
14	- Tỷ lệ đô thị hóa, % - Tỷ lệ diện tích phủ kín của các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, %		60-62 100
15	Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch, %		100
16	- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn, % - Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, % - Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường, % - Tỷ lệ cụm công nghiệp (đang hoạt động và xây dựng mới) có trạm xử lý nước thải, % - Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý, % - Tỷ lệ nước thải làng nghề được xử lý, %		100 100 100 100 45-50 100
17	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng, %		30-35

Ab

